

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 10-01-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phước.

Ông Phan Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 262/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Sỹ G, sinh năm 1940.

Địa chỉ: 195, Tổ 12, ấp 1B, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 6, xã PB, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 3, Ấp 6, xã PB, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Sỹ G trình bày:

Ông và chị Trần Thị T có quen biết nhau. Trước đây, ông có cho chị T vay nhiều lần tiền, có thỏa thuận lãi 10%/năm nhưng chị T không trả cả gốc và lãi. Đến ngày 29/12/2020, ông và chị T chốt lại số tiền nợ gốc là 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng), không bao gồm lãi của những khoản vay trước đó. Khi đó, chị T có viết hợp đồng vay mượn tiền mặt viết tay ghi ngày 29/12/2020 có xác nhận nợ ông số tiền 168.000.000 đồng và hẹn đến hết tháng 02/2021 sẽ trả đủ cho ông, thỏa thuận miệng

là không tính lãi đối với số tiền 168.000.000 đồng này. Khi vay, giữa ông và chị T không có thỏa thuận thế chấp tài sản gì. Đến hết tháng 02/2021, ông có đến nhà chị T nhiều lần để yêu cầu chị T trả lại khoản nợ 168.000.000 đồng nhưng chị T không trả, cứ hứa hẹn đủ lý do để không trả cho ông.

Khoản vay này, ông chỉ cho chị T vay, việc chị T viết hợp đồng vay mượn tiền mặt ngày 29/12/2020 có ghi tên chồng chị T là anh Nguyễn Văn T là do khi viết giấy nhận nợ ông thấy có anh Tích nên đề nghị chị T viết thêm vào, tuy nhiên do anh Tích không vay tiền của ông nên ông không yêu cầu anh Tích ký vào giấy nhận nợ và anh Tích cũng không ký vào giấy nhận nợ nêu trên. Ông xác định chỉ cho chị T vay nên ông chỉ yêu cầu chị T trả nợ, không yêu cầu anh Tích trả nợ cùng chị T.

Ông có vợ là bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1938 cùng địa chỉ với ông, số tiền ông cho chị T vay là tài sản riêng của ông, không liên quan đến bà Th.

Nay ông yêu cầu chị Trần Thị T trả lại cho ông số nợ gốc là 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

2. Bị đơn chị Trần Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền và lợi ích, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 351, 357 và 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Sỹ G, buộc bị đơn chị Trần Thị T phải trả cho nguyên đơn ông G số tiền nợ 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Tích.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Lê Sỹ G và chị Trần Thị T có quan hệ quen biết nhau nên ông G có cho chị T vay nhiều lần tiền, thỏa thuận lãi suất 10%/năm nhưng chị T không trả cả gốc và lãi cho ông G. Đến ngày 29/12/2020, ông G và chị T lập hợp đồng vay mượn tiền mặt viết tay ghi ngày 29/12/2020 để chốt lại số tiền nợ gốc là 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng), không bao gồm lãi của những

khoản vay trước đó, chị T xác nhận nợ ông Gơ số tiền 168.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán là hết tháng 02/2021, thỏa thuận miệng không tính lãi. Đến hết tháng 02/2021, ông Gơ đến nhà chị T nhiều lần để yêu cầu chị T trả số nợ vay nhưng chị T không trả mà hứa hẹn với ông Gơ nhiều lần. Ông Gơ xác định số tiền cho chị T vay là tài sản riêng của ông và ông chỉ cho chị T vay, không cho chồng chị T là anh Tích vay tiền. Do đó, ông Gơ khởi kiện yêu cầu chị T trả lại cho ông số nợ gốc là 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để trình bày ý kiến giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ G nhưng chị T và anh Tích vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến.

[3] Ngày 30/6/2021, Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định số 489/2021/QĐ-TCGD trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai thực hiện giám định so sánh chữ ký và chữ viết của Trần Thị T tại Hợp đồng vay mượn tiền mặt viết tay ngày 29/12/2020 với chữ ký và chữ viết tại các mẫu so sánh do ông Lê Sỹ G cung cấp và do Tòa án thu thập.

Kết quả giám định tại Kết luận giám định số 1463/KLGD-PC09 ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

Chữ viết có nội dung bắt đầu bằng từ: “Hợp đồng vay mượn tiền mặt ...” kết thúc bằng từ “... chịu trách nhiệm trước pháp luật”, “Phước Bình 29/12/2020”; “Bên cho vay”; “Người vay tiền”; “Ký tên” trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết ra.

Chữ ký và chữ viết mang tên Trần Thị T trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết mang tên Trần Thị T trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người ký và viết ra.

[4] Xét thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa nguyên đơn ông Lê Sỹ G và bị đơn chị Trần Thị T có giao kết hợp đồng vay tài sản theo Hợp đồng vay mượn tiền mặt viết tay ngày 29/12/2020 với số tiền vay là 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng). Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T đến Tòa án để giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Gơ nhưng chị T không có mặt, không cung cấp ý kiến, chứng tỏ chị T vẫn còn nợ ông Gơ 168.000.000 đồng và không có thiện chí trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Sỹ G đối với bị đơn chị Trần Thị T là có căn cứ.

[5] Hợp đồng vay mượn tiền mặt viết tay ngày 29/12/2020 không thỏa thuận lãi, lãi suất, nguyên đơn ông Gơ trình bày giữa ông Gơ và chị T thỏa thuận bằng lời nói là vay không có lãi. Tòa án đã tiến hành triệu tập chị T đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Gơ nhưng chị T không có mặt, không cung cấp ý kiến trình bày. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Gơ không yêu cầu chị T trả lãi nên không xem xét.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T mặc dù có tên trong Hợp đồng vay mượn tiền mặt viết tay ngày 29/12/2020 nhưng không ký tên vay tiền. Tòa án đã tiến hành triệu tập chị T và anh Tích đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Gơ nhưng chị T và anh Tích không có mặt, không cung cấp ý kiến trình bày. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Gơ chỉ yêu cầu chị T không yêu cầu anh Tích trả nợ nên không xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ G buộc chị Trần Thị T phải thanh toán cho ông Lê Sỹ G số tiền 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ G được chấp nhận nên chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.400.000 đồng (tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ G được chấp nhận nên chị Trần Thị T phải chịu 2.000.000 đồng chi phí giám định. Ông Lê Sỹ G đã tạm ứng chi phí giám định nên chị T phải hoàn trả lại cho ông Gơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 351, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Sỹ G đối với bị đơn chị Trần Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Trần Thị T phải thanh toán cho ông Lê Sỹ G số tiền 168.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 8.400.000 đồng (tám triệu, bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị T phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) chi phí giám định. Do ông Lê Sỹ G đã tạm ứng nên chị T phải hoàn trả lại ông Gơ 2.000.000 đồng chi phí giám định.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Sỹ G có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Trần Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng